Mở rộng từ vựng

手 shǒu

头 tóu

嘴 zuǐ

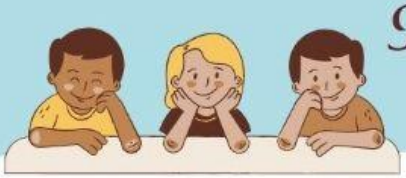

Tìm thêm từ ngữ về bộ phận cơ thể
(theo ảnh gợi ý)

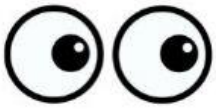

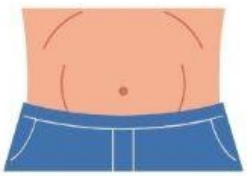

LIVEWORKSHEETS